

Số: 106 /QĐ- CTHADS

Phú Thọ, ngày 27 tháng 01 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2022

### CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017;  
Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-BTP ngày 31/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành quy định phân cấp ủy quyền quản lý tài chính, tài sản, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư xây dựng và ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Cục.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Công bố công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ (Có phụ lục chi tiết kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Cục có trách nhiệm thông báo công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2022 đến cán bộ công chức, người lao động được giao quản lý.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Cục và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Tổng cục THADS(B/c);
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu VT; KTHCSN.



Nguyễn Thị Thu Chung

Cơ quan quản lý cấp trên: TÔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: CỤC THADS TỈNH PHÚ THÒ

Mã đơn vị: 1054134

Loại hình đơn vị: Hành chính

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẴM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2022**

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (NĐG hình đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Đầu tư xây dựng, mua sắm		#REF!	0	0	0	739.411						
1	Trụ sở làm việc/ cơ sở hoạt động sự nghiệp		0	0	0	0	0						
2	Xe ô tô		0	0	0	0	0						
3	Tài sản cố định khác		#REF!				739.411			0	0	0	
1	Tủ sắt lưu trữ hồ sơ, bảo quản tang vật	C	10	TBM04 BEMC	Việt Nam	2021	95.040	Đầu thầu	Công ty CP thiết bị vật tư ngân hàng và AT kho quỹ VN				
2	Kết sắt đặc chủng	C	2	US1650/ BEMC	Việt Nam	2021	116.402	Đầu thầu	Công ty CP thiết bị vật tư ngân hàng và AT kho quỹ VN				
3	Kết sắt đặc chủng	C	1	US1650/ BEMC	Việt Nam	2021	59.400	Đầu thầu	Công ty CP thiết bị vật tư ngân hàng và AT kho quỹ VN				

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Ng hìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi c/	
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)		
1			2											
4	Tăng âm, loa đài; Thiết bị ghi âm, ghi hình; Máy chiếu	Bộ	1	TS - V92DU	Nhật	2022	148.000	Chào hành cảnh tranh rút gọn	Công ty cổ phần BROTHER					
5	Máy photocopy siêu tốc	C	1	Xerox V7080	Nhật	2021	242.569	Đầu thầu	Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Xem Sơn					
6	Máy tính để bàn chuyên dùng	Bộ	1	Dell	Malaysia	2022	25.000	Mua sắm trực tiếp	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển TKT Việt Nam.					
7	Phần mềm tổng hợp kế toán HCSN	PM	1	Misa Lekima	Việt Nam	2022	30.000	Mua sắm trực tiếp	Công ty Cổ phần MISA					
8	Hệ thống camera giám sát, báo động	HT	1	CameralP DoMe 2MP HIK	Trung Quốc	2022	23.000	Mua sắm trực tiếp	Nguyễn Quang Tiến - Văn Cơ - Việt Trì - Phú Thọ					

Người lập biểu



Phạm Thị Thu Hương

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thu Hương

Phụ Thạ, ngày 31 tháng 01 năm 2023

Phủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Thu Chung



**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP NĂM 2022**

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất										Công khai về nhà										Chỉ chú
		Diện tích(m <sup>2</sup> )	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán(Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m <sup>2</sup> )		Hoạt động sử dụng sự nghiệp						Năm sử dụng	Tổng diện tích sản sử dụng(m <sup>2</sup> )	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (tỷ theo diện tích sản sử dụng (m <sup>2</sup> ))		Sử dụng khác				
				Trụ sở làm việc	Sử dụng khác	Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	Năm sử dụng			Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Không kinh doanh	Kinh doanh		Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	Trụ sở làm việc Cục THADS tỉnh, Cũn kho vật chứng Cục THADS tỉnh và Chi cục THADS TP Việt Trì	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
2	Giá trị quyền sử dụng đất	3.826	61.216.000	3.826																		
	Tổng cộng:	3.826	61.216.000	3.826	0	0	0	0	0	0	2016	2.278	31.916.857	25.624.548	2.278	0	0	0	0	0	0	

Người lập

  
Phạm Thị Thu Hương

Kế toán trưởng

  
Phạm Thị Thu Hương

Phụ: Họ, ngày 21 tháng 01 năm 2023

Thu trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Thu Chung

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC NĂM 2022**

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)							Mục đích sử dụng				
					Tổng cộng	Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
						Trong đó	Nguyên ngân sách	Nguyên khác								
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
<b>Tổng cộng</b>					<b>193</b>	<b>3.890.040</b>	<b>3.800.930</b>	<b>89.110</b>	<b>931.775</b>							
I	Xe ô tô			3	1.765.405	1.765.405	-	-								
1	Xe ô tô Zace	Cục THADS tỉnh	2006	1	519.610	519.610		-								
2	Xe ô tô Altis	Cục THADS tỉnh	2012	1	806.400	806.400		-								
3	Xe ô tô bán tải	Cục THADS tỉnh	2009	1	439.395	439.395		-								
II	Tài sản cố định khác			190	2.124.635	2.035.525	89.110	931.775								
1	Máy vi tính để bàn	Văn phòng (Thụ lý)	2016	1	14.984	14.984		0								
2	Máy vi tính để bàn	Văn phòng (đ/c Thủy Linh)	2017	1	13.000	13.000		0								
3	Máy vi tính để bàn	Phòng P. Cục trưởng (Đ/c Hoa)	2018	1	14.894	14.894		0								
4	Máy vi tính để bàn	Phòng Nghiệp vụ (Quang; Tuấn; Dương)	2018	3	44.682	44.682		0								
5	Máy vi tính để bàn	Phòng TCCB (Cường; Huyền)	2018	2	29.788	29.788		0								
6	Máy vi tính để bàn	Đ/c Linh (Phó CT)	2018	1	14.894	14.894		0								
7	Máy vi tính để bàn	BP Kế toán (P. Hương; Liên)	2018	2	29.788	29.788		0								
8	Máy vi tính để bàn	Đ/c Sơn (CNTT)	2018	1	14.894	14.894		0								
9	Máy vi tính để bàn	Phòng Kiểm tra (V. Anh; Quý)	2018	2	29.788	29.788		0								
10	Máy vi tính để bàn	Đ/c Quang (Phó CT)	2020	1	14.905	14.905		5.962								
11	Máy vi tính để bàn	Đ/c Việt Hà (Phòng Kiểm tra)	2020	1	14.905	14.905		5.962								









STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng								
					Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
						Trong đó	Nguồn ngân sách									Nguồn khác
77	Tủ tài liệu	Văn phòng	2020	1	5.000	5.000		3.125								
78	Tủ tài liệu	Phòng Kiểm tra	2020	1	5.000	5.000		3.750								
79	Tủ sắt để hồ sơ, tài liệu	Phòng Nghiệp vụ (Đ/c Trình)	2021	1	5.000		5.000	3.750								
80	Tủ sắt để hồ sơ, tài liệu	Văn phòng (Thùy Linh, Liên)	2022	2	19.008	19.008		16.632								
81	Tủ sắt để hồ sơ, tài liệu	Phòng Tổ chức cán bộ (Giang)	2022	2	19.008	19.008		16.632								
82	Tủ sắt để hồ sơ, tài liệu	Bộ phận thụ lý (Đ/c Hoài Linh)	2022	1	9.504	9.504		8.316								
83	Tủ sắt để hồ sơ, tài liệu	Phòng Kiểm tra (V. Anh; Thu)	2022	2	19.008	19.008		16.632								
84	Tủ sắt để hồ sơ, tài liệu	Phòng Nghiệp vụ (Quân; Diệu Linh; Quyên)	2022	3	28.512	28.512		24.948								
85	Kết sắt đặc chủng	Đ/c Hương (Thu kho)	2022	2	116.402	116.402		101.852								
86	Kết sắt đặc chủng	Đ/c Hương (Thu kho)	2022	1	59.400	59.400		51.975								
87	Kết bạc	VP (Thu quý)	2007	1	3.000	3.000		0								
88	Phần mềm kế toán HCSN	Văn phòng (Đ/c Phạm Hương)	2004	1	6.000	6.000		6.000								
89	Phần mềm Kế toán NV	Văn phòng (Đ/c Liên)	2006	1	5.000	5.000		5.000								
90	Phần mềm QL Tài sản	Văn phòng (Đ/c Hương)	2014	1	5.000	5.000		5.000								
91	Phần mềm tổng hợp KT	Văn phòng (Đ/c Phạm Hương)	2022	1	30.000	30.000		30.000								
92	Kệ để tài liệu	Văn phòng (Thu kho)	2015	29	87.000	87.000		10.875								
93	Kệ để tài liệu	Phòng Kiểm tra	2015	1	3.000	3.000		375								
94	Kệ để tài liệu	Văn phòng (Thu kho)	2021	10	30.000	30.000		22.500								

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phụ thuộc ngày 21 tháng 01 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

  
Phạm Thị Thu Hương

  
Phạm Thị Thu Hương



Phạm Thị Thu Chung

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2022**

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý tài sản	Ghi chú
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Tài sản cố định khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Không phát sinh															

NGƯỜI LẬP BIỂU

Phụ Thọ, ngày 21 tháng 01 năm 2023

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

Phạm Thị Thu Hương



Nguyễn Thị Thu Chung